TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22/06/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Bùi Thanh Đương

Ông Trương Hữu An

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Giang Tấn Sỹ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 06 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 05 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị T**, sinh ngày 01/03/1994. (Vắng mặt)

Số căn cước công dân 096194007977

Địa chỉ: Ấp N, xã B, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh **Lý Văn M**, sinh ngày 01/01/1985 (Vắng mặt)

Số căn cước công dân 094085002428

Địa chỉ: khu V, phường N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 22/04/2026, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Lý Văn M tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2010 không có tổ chức đám cưới, đến ngày 25/04/2023 chị và anh M mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Cà Mau), và được cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Trong thời gian đầu khi mới chung sống với nhau thì vợ chồng chị chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên hiện nay chị và anh M xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng gay gắt, mục đích hôn nhân không đạt được, chị muốn trả tự do cho nhau, chị và anh M đã ly thân năm 2022 nhưng vẫn còn tới lui với nhau nên năm 2023 mới đăng ký kết hôn, định hàn gắn lại nhưng sau khi đăng ký kết hôn được hai ba tháng thì phát sinh mâu thuẫn nhiều và ly thân với nhau từ tháng 06/2023 đến nay không còn liên lạc gì với nhau. Cho nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Lý Văn M.

Về con chung: chị và anh Lý Văn M có hai con ruột là cháu Lý Vũ B, sinh ngày 19/09/2011 và cháu Lý Khánh T1, sinh ngày 20/03/2013, hiện nay cháu B đang sống chung với anh M, còn cháu T1 đang sống chung với chị. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lý Khánh T1, sinh ngày 20/03/2013 và đồng ý giao cháu Lý Vũ B, sinh ngày 19/9/2011 cho anh Lý Văn M nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn: chị T không yêu cầu xem xét.

Chị T xin được xét xử vắng mặt vì bận công việc nên không có thời gian để tham gia phiên tòa.

2/ Bị bơn anh Lý Văn M: Anh M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T nhưng anh M không có ý kiến phản đối, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa.

3/ Ý kiến nguyện vọng của cháu Lý Vũ B, sinh ngày 19/9/2011: Theo tờ nguyện vọng lập ngày 14/04/2026 cháu B có nguyện vọng muốn sống chung với cha ông Lý Văn M sau khi cha mẹ ly hôn.

4/ Ý kiến nguyện vọng của cháu Lý Khánh T1, sinh ngày 20/03/2013: Theo tờ nguyện vọng lập ngày 14/04/2026 cháu T1 có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ Phạm Thị T sau khi cha mẹ ly hôn.

5/ *Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng thời gian, đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn chị T vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt là chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự; Bị đơn anh M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do là chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Phạm Thị T ly hôn với anh Lý Văn M; về con chung: Giao cháu Lý Vũ B, sinh ngày 19/09/2011 cho anh Lý Văn M nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và giao cháu Lý Khánh T1, sinh ngày 20/03/2013 cho chị Phạm Thị T nuôi

dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với anh Lý Văn M cư trú tại Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ, không còn yêu cầu gì khác. Nên Tòa án xác định loại kiện "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Phạm Thị T vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn anh Lý Văn M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Lý Văn M là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ngày 25/04/2023 anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Cà Mau) và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh M, theo chị T cho rằng hiện nay chị T và anh M xảy ra mâu thuẫn ngày càng gay gắt, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T muốn trả tự do cho nhau, chị T và anh M đã ly thân với nhau từ năm 2023 đến nay không còn liên lạc với nhau. Cho nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Lý Văn M. Anh M không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị T, không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, phiên tòa, bỏ mặc cuộc hôn nhân giữa anh M và chị T. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của chị T và anh M đã không còn sự quan tâm, thương yêu dành cho nhau, không còn tin tưởng nhau, chị T đã ly thân với anh M từ năm 2023 đến nay không thể hàn gắn, không còn liên lạc, mâu thuẫn giữa chị T và anh M là trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Lý Văn M.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Lý Văn M có hai con chung là cháu Lý Vũ B, sinh ngày 19/09/2011 và cháu Lý Khánh T1, sinh ngày 20/03/2013, theo chị T trình bày hiện nay cháu B đang sống chung với anh M,

còn cháu T1 đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lý Khánh T1, sinh ngày 20/03/2013 và đồng ý giao cháu Lý Vũ B, sinh ngày 19/9/2011 cho anh Lý Văn M nuôi dưỡng. anh M không có ý kiến phản đối, cháu B hiện nay đã hơn 14 tuổi và có nguyện vọng được sống chung với cha là anh M sau khi cha mẹ ly hôn với nhau, cháu T1 hiện nay đã hơn 13 tuổi và có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị T sau khi cha mẹ ly hôn với nhau. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con;* ***nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con****"*. Giữa chị T và anh M không thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử sẽ quyết định về việc giao con cho ai nuôi dưỡng. Do cháu B hiện nay đang được cha ruột là anh M nuôi dưỡng, cháu B đã hơn 14 tuổi, có nguyện vọng sống chung với cha (anh M) sau khi cha mẹ ly hôn với nhau. Do cháu T1 hiện nay đang được mẹ ruột là chị T đang nuôi dưỡng, cháu T1 đã hơn 13 tuổi, có nguyện vọng sống chung với mẹ (chị T) sau khi cha mẹ ly hôn với nhau nên căn cứ vào nguyện vọng của cháu B và cháu T1, đồng thời cần ổn định môi trường sống, ổn định tâm lý trẻ em nên quyết định giao cháu B cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu T1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho cha, mẹ người không trực tiếp nuôi các con chung theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Phạm Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007833, ngày 22/04/2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Anh Lý Văn M không phải chịu án phí.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Lý Văn M.

2/ Về con chung:

+ Giao cháu Lý Vũ B, sinh ngày 19/09/2011 cho anh Lý Văn M chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị Phạm Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

+ Giao cháu Lý Khánh T1, sinh ngày 20/03/2013 cho chị Phạm Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh Lý Văn M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí sơ thẩm:

Buộc chị Phạm Thị T phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Phạm Thị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007833, ngày 22/04/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Anh Lý Văn M không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND xã Biển Bạch, tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng